

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 – GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tạ Văn Thanh.  
2. Ông Đặng Văn Trị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1992; Số CCCD: 052192011765 (vắng mặt, có đơn yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn P, xã BH, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu N, sinh 1990; Số CCCD: 052090018129 (Vắng mặt lần 02).

Địa chỉ: Thôn M, xã BH, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đỗ Thị Phương T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu N kết hôn tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 24/4/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần. Từ đó nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng, sau đó hai bên đã cắt đứt quan hệ phân ai nấy sống từ năm 2021 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu N có 01 con chung là: Nguyễn Hữu Q (nam) sinh ngày 05/052016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Hữu N vắng mặt không có lý do: anh Nguyễn Hữu N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 05/11/2025 Công an xã BH cung cấp: anh Nguyễn Hữu N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã BH, tỉnh Gia Lai; anh N chưa cất khẩu đi nơi khác; anh Nguyễn Hữu N hiện có mặt tại địa phương.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:*

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy N, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Hữu N. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu Q (nam) sinh ngày 05/05/2016 cho chị Đỗ Thị Phương T nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương T với anh Nguyễn Hữu N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT (cũ) vào ngày 24/4/2015 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là vợ chồng làm ăn thua lỗ nợ nần, rồi dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng hai bên không giải quyết mà bỏ mặc và đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, không quan tâm gì nhau từ năm 2021 đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu, nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Q (nam) sinh ngày 05/5/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nhận nuôi con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp với nguyện vọng của con chung (cháu Q muốn được sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Đỗ Thị Phương T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Phương T:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu Q (nam) sinh ngày 05/5/2016 cho chị Đỗ Thị Phương T nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Phương T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0004870 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; chị T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- THA dân sự khu vực 4;
- UBND xã Bình Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Nam**